

**MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA,
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3622/QĐ-ĐHM ngày 04 / 10 / 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội)

A. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program Education Objective)

I.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Mở Hà Nội nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ đáp ứng tốt yêu cầu của công việc liên quan đến ngôn ngữ Trung Quốc; có khả năng học tập suốt đời; có khả năng sáng tạo thích nghi với môi trường làm việc; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

I.2. Mục tiêu cụ thể

Trường Đại học Mở Hà Nội đào tạo người học tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc:

MT1. Có kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết sâu rộng về ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc để kết nối trong hoạt động giao tiếp, học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp.

MT2. Có năng lực số, năng lực đổi mới sáng tạo và có tính chuyên nghiệp cao trong môi trường làm việc đa dạng.

MT3. Có tinh thần học tập suốt đời, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

II. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program Learning Outcomes)

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Mở Hà Nội có khả năng:

CDR 1. Sử dụng thành thạo và hiệu quả tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương trình độ bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (HSK5 theo chuẩn năng lực Hán ngữ Trung Quốc) trong học thuật, đời sống và hoạt động nghề nghiệp.

CDR 2. Vận dụng kiến thức chuyên ngành biên phiên dịch để thực hiện hiệu quả hoạt động dịch thuật và các nhiệm vụ chuyên môn tương ứng với vị trí nghề nghiệp.

CĐR 3. Sử dụng hiệu quả công cụ số trong học tập, nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.

CĐR 4. Vận dụng tư duy hệ thống, tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề chuyên môn.

CĐR 5. Giao tiếp hiệu quả dựa trên hiểu biết đa văn hoá và tôn trọng sự khác biệt.

CĐR 6. Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi.

CĐR 7: Thể hiện tư duy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong định hướng phát triển chuyên môn.

CĐR 8. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và lựa chọn chiến lược học tập phù hợp để phát triển năng lực cá nhân và năng lực nghề nghiệp thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.

CĐR 9. Vận dụng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, xác định được trách nhiệm của công dân trong phục vụ cộng đồng hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững của địa phương, quốc gia và toàn cầu.



III. QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU CỤ THỂ VỚI TẦM NHÌN, SỨ MẠNG CỦA TRƯỜNG

Mục tiêu cụ thể: Đào tạo người học	Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Mở Hà Nội			Sứ mạng:
	Trở thành đại học hàng đầu về giáo dục, đào tạo mở, từ xa trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam	Đạt tiêu chuẩn chất lượng khu vực và tiệm cận thế giới	Là nòng cốt trong xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời	Mở cơ hội học tập cho mọi người với chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng với nhiều loại hình, chú trọng giáo dục từ xa, đa ngành, đa trình độ, phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế.
MT1. Có kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết sâu rộng về ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc để kết nối trong hoạt động giao tiếp, học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp.	X	X		X
MT2. Có năng lực số, năng lực đổi mới sáng tạo và có tính chuyên nghiệp cao trong môi trường làm việc đa dạng.		X		X
MT3. Có tinh thần học tập suốt đời, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.			X	X

IV. QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA CTĐT VỚI MỤC TIÊU CTĐT

<p>Mục tiêu cụ thể: Đào tạo người học</p> <p>Chuẩn đầu ra CTĐT: Người học tốt nghiệp có khả năng:</p>	<p>MT1. Có kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết sâu rộng về ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc để kết nối trong hoạt động giao tiếp, học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp.</p>	<p>MT2. Có năng lực số, năng lực đổi mới sáng tạo và có tính chuyên nghiệp cao trong môi trường làm việc đa dạng.</p>	<p>MT3. Có tinh thần học tập suốt đời, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.</p>
<p>CĐR 1. Sử dụng thành thạo và hiệu quả tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương trình độ bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (HSK5 theo chuẩn năng lực Hán ngữ Trung Quốc) trong học thuật, đời sống và hoạt động nghề nghiệp.</p>	X		
<p>CĐR 2. Vận dụng kiến thức chuyên ngành biên phiên dịch để thực hiện hiệu quả hoạt động dịch thuật và các nhiệm vụ chuyên môn tương ứng với vị trí nghề nghiệp.</p>	X	X	
<p>CĐR 3. Sử dụng hiệu quả công cụ số trong học tập, nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.</p>		X	
<p>CĐR 4. Vận dụng tư duy hệ thống, tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề chuyên môn.</p>		X	
<p>CĐR 5. Giao tiếp hiệu quả dựa trên hiểu biết đa văn hoá và tôn trọng sự khác biệt.</p>		X	

<p>Mục tiêu cụ thể: Đào tạo người học</p> <p>Chuẩn đầu ra CTĐT: Người học tốt nghiệp có khả năng:</p>	<p>MT1. Có kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết sâu rộng về ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc để kết nối trong hoạt động giao tiếp, học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp.</p>	<p>MT2. Có năng lực số, năng lực đổi mới sáng tạo và có tính chuyên nghiệp cao trong môi trường làm việc đa dạng.</p>	<p>MT3. Có tinh thần học tập suốt đời, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.</p>
CDR 6. Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi.		X	
CDR 7. Thể hiện tư duy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong định hướng phát triển chuyên môn.		X	X
CDR 8. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và lựa chọn chiến lược học tập phù hợp để phát triển năng lực cá nhân và năng lực nghề nghiệp thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.			X
CDR 9. Vận dụng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, xác định được trách nhiệm của công dân trong phục vụ cộng đồng hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững của địa phương, quốc gia và toàn cầu.			X

V. Đối sánh Chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia (TĐQG) Việt Nam (Quyết định 1982) trình độ đại học (bậc 6):

Chuẩn đầu ra CTĐT: Người học tốt nghiệp có khả năng:	Khung TĐQG bậc 6					Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TC & TN 1	TC & TN 2	TC & TN 3	TC & TN 4					
CĐR 1. Sử dụng thành thạo và hiệu quả tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương trình độ bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (HSK5 theo chuẩn năng lực Hán ngữ Trung Quốc) trong học thuật, đời sống và hoạt động nghề nghiệp.	X																			
CĐR 2. Vận dụng kiến thức chuyên ngành biên phiên dịch để thực hiện hiệu quả hoạt động dịch thuật và các nhiệm vụ chuyên môn tương ứng với vị trí nghề nghiệp.	X	X				X			X											
CĐR 3. Sử dụng hiệu quả công cụ số trong học tập, nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.			X																	
CĐR 4. Vận dụng tư duy hệ thống, tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề chuyên môn.						X	X	X												
CĐR 5. Giao tiếp hiệu quả dựa trên hiểu biết đa văn hoá và tôn trọng sự khác biệt.						X				X	X									
CĐR 6. Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi.				X	X		X		X			X	X							
CĐR 7. Thể hiện tư duy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong định hướng phát triển chuyên môn.							X						X	X	X					

Khung TDQG bậc 6 Chuẩn đầu ra CTĐT: Người học tốt nghiệp có khả năng:	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TC & TN 1	TC & TN 2	TC & TN 3	TC & TN 4
CĐR 8. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và lựa chọn chiến lược học tập phù hợp để phát triển năng lực cá nhân và năng lực nghề nghiệp thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.												X		X	X
CĐR 9. Vận dụng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, xác định được trách nhiệm của công dân trong phục vụ cộng đồng hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững của địa phương, quốc gia và toàn cầu.		X			X							X			



B. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Ngôn ngữ Trung Quốc
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Bachelor of Arts in Chinese Language
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Mã ngành đào tạo:	7220204
5. Đối tượng tuyển sinh:	Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Mở Hà Nội
6. Hình thức đào tạo:	Tất cả các hình thức đào tạo
7. Số tín chỉ yêu cầu:	126
8. Thời gian đào tạo:	04 năm
9. Thang điểm:	4
10. Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none">- Hoàn thành chương trình đào tạo- Các yêu cầu khác theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Mở Hà Nội
11. Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
12. Vị trí việc làm:	<p>Người học tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Mở Hà Nội có thể đảm nhiệm các vị trí công việc:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tại các cơ quan nhà nước hoặc các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực đối ngoại, truyền thông, kinh tế, thương mại, du lịch ...- Tại các cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế, các công ty mà tiếng Trung Quốc là ngôn ngữ làm việc chính thức, hoặc có mối liên hệ thường xuyên với các quốc gia, vùng lãnh thổ sử dụng tiếng Trung Quốc như: Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao, Singapore, v.v...- Tại các cơ quan quản lý có liên quan đến công tác đối ngoại, làm việc tại các công ty nước ngoài, các công ty liên doanh mà tiếng Trung Quốc được sử dụng thường xuyên...

	<ul style="list-style-type: none"> - Biên - phiên dịch trong các lĩnh vực dịch thuật, ngoại giao, thương mại, giáo dục, y tế, báo chí, truyền thông, du lịch... - Biên tập các bản tin tiếng Trung cho đài truyền hình, đài phát thanh hoặc các công ty truyền thông. - Giảng dạy tiếng Trung Quốc tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, THPT hoặc THCS nơi có bộ môn tiếng Trung Quốc. - Nghiên cứu khoa học tại các Viện nghiên cứu có lĩnh vực nghiên cứu là Ngôn ngữ Trung Quốc.
13. Khả năng nâng cao trình độ:	<p>Người học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Mở Hà Nội sau khi tốt nghiệp sẽ có đủ kiến thức và điều kiện, năng lực tự học tập nghiên cứu và tự học suốt đời để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của công việc; tiếp tục học tập nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc đảm nhận tại đơn vị được tuyển dụng và nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc và các lĩnh vực liên quan tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.</p>
14. Chương trình đào tạo tham khảo:	<p>Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của các Trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Hà Nội <p>Chương trình đào tạo ngành giáo dục Hán ngữ quốc tế - Đại học Sư phạm Trùng Khánh Trung Quốc</p>

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

Mã ngành: 7220204

TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần		
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		29			
I.1	Giáo dục đại cương		25			
1	Triết học Mác-Lênin	K1.GDĐC	3	X		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	K1.GDĐC	2	X		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K1.GDĐC	2	X		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K1.GDĐC	2	X		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K1.GDĐC	2	X		
6	Tin học đại cương	K1.GDĐC	3	X		
7	Pháp luật đại cương	K1.GDĐC	2	X		
8	Ngoại ngữ II.1	K1.GDĐC	3	X		
9	Ngoại ngữ II.2	K1.GDĐC	3	X		
10	Ngoại ngữ II.3	K1.GDĐC	3	X		
I.2	Khoa học xã hội		2			
11	Logic học đại cương	K2.KHXXH	2			X
12	Lịch sử tư tưởng Phương Đông và Việt Nam	K2.KHXXH	2			X
13	Lịch sử văn minh thế giới	K2.KHXXH	2			X
14	Môi trường và con người	K2.KHXXH	2			X
I.3	Kỹ năng mềm/Bổ trợ khác		2			
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học	K3.KN/BT	2		X	
16	Kỹ năng thuyết trình	K3.KN/BT	2		X	
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ KHỐI NGÀNH		61			
II.1	Cơ sở nhóm ngành		6			
	Học phần bắt buộc		4			
17	Cơ sở văn hoá Việt Nam	K4.CSNN	2	X		
18	Dẫn luận ngôn ngữ học	K4.CSNN	2	X		

TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần		
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do
	Học phần tự chọn		2			
19	Từ Hán Việt	K4.CSNN	2			X
20	Tiếng Việt thực hành	K4.CSNN	2		X	
21	Ngôn ngữ học đối chiếu	K4.CSNN	2		X	
II.2	Cơ sở ngành		55			
	Học phần bắt buộc		51			
22	Tiếng Trung Quốc 1A	K5.CSN	4	X		
23	Tiếng Trung Quốc 1B	K5.CSN	4	X		
24	Tiếng Trung Quốc 2A	K5.CSN	4	X		
25	Tiếng Trung Quốc 2B	K5.CSN	4	X		
26	Tiếng Trung Quốc 3A	K5.CSN	4	X		
27	Tiếng Trung Quốc 3B	K5.CSN	4	X		
28	Tiếng Trung Quốc 4A	K5.CSN	4	X		
29	Tiếng Trung Quốc 4B	K5.CSN	4	X		
30	Tiếng Trung Quốc 4C	K5.CSN	4	X		
31	Độc báo chí	K5.CSN	2	X		
32	Ngữ âm tiếng Trung Quốc	K5.CSN	2	X		
33	Chuyên đề chữ Trung Quốc	K5.CSN	2	X		
34	Đất nước học	K5.CSN	2	X		
35	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	K5.CSN	2	X		
36	Ngôn ngữ và văn hóa TQ	K5.CSN	2	X		
37	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	K5.CSN	3	X		
	Học phần tự chọn		4			
38	Kỹ năng thực hành tiếng 1	K5.CSN	4		X	
39	Kỹ năng thực hành tiếng 2	K5.CSN	4		X	
40	Kỹ năng đọc hiểu tác phẩm văn học	K5.CSN	4		X	
41	Khẩu ngữ ngoại thương	K5.CSN	4		X	
42	Tiếng Trung Quốc nghe nhìn	K5.CSN	2		X	
43	Tiếng Trung Quốc cổ đại	K5.CSN	2		X	
44	Lược sử văn học Trung Quốc	K5.CSN	2		X	

TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần		
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do
45	Trích giảng văn học	K5.CSN	2		X	
46	Giao tiếp liên văn hóa	K5.CSN	2		X	
III	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		30			
III.1	Chuyên ngành		27			
	Học phần bắt buộc		19			
47	Nhập môn biên phiên dịch	K6.CN	3	X		
48	Biên dịch 1	K6.CN	3	X		
49	Biên dịch 2	K6.CN	3	X		
50	Phiên dịch 1	K6.CN	3	X		
51	Phiên dịch 2	K6.CN	3	X		
52	Biên dịch nâng cao	K6.CN	2	X		
53	Phiên dịch nâng cao	K6.CN	2	X		
	Học phần tự chọn		8			
54	Tiếng Trung Quốc thương mại	K6.CN	2		X	
55	Tiếng Trung Quốc du lịch	K6.CN	2		X	
56	Tiếng Trung Quốc văn phòng	K6.CN	2		X	
57	Dịch chuyên đề báo chí	K6.CN	2		X	
58	Dịch chuyên đề thương mại	K6.CN	2		X	
59	Dịch chuyên đề văn học	K6.CN	2		X	
60	Dịch chuyên đề pháp luật	K6.CN	2		X	
61	Chuyên đề kinh tế xã hội TQ	K6.CN	2		X	
62	Dịch nghe nhìn	K6.CN	2		X	
III.2	Kiến tập/Thực tập/Trải nghiệm		3			
63	Thực tập	K7.TT	3	X		
IV	TỐT NGHIỆP		6			
64	Khoá luận tốt nghiệp	K8.TN	6	X		
TỔNG CỘNG			126			